TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HS-ST
Ngày 15-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên tòa: Bà Đỗ Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Tiến

Ông Nguyễn Trung Thành - Giáo viên

- Thư ký Phên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia Phên tòa: Ông Nguyễn Văn Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2021 và Quyết định Hoãn Phên tòa số 04/2021/HSST-QĐ ngày 31/8/2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Mạnh H, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1998 tại Hải Phòng; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Xã G, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Vũ Quang M và bà Đỗ Thị T; có vợ là Đặng Thị Phương N; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 21/5/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1986 tại Hải Phòng; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Xã G, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn S và bà Hà Thị Y; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 21/5/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Đỗ Thu H1, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1986 tại Hải Phòng; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Xã G, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Đình T và bà Nguyễn Thị B; có chồng là Nguyễn Tiến B, có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 21/5/2021 thay đổi biện

pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Văn L, sinh ngày 11 tháng 9 năm 1995 tại Hải Phòng; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Xã G, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Hoàng Thị Thu H có 01 con sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 21/5/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nguyễn Thị C, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1974 tại Hải Phòng; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Xã G, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; Giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Tiến T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Đinh Tiến H, có 03 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 21/5/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Nguyễn Nhật L, sinh ngày 21 tháng 4 năm 1998 tại Hải Phòng; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Xã G, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Tiến L và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 21/5/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Lê Thị Thanh H2, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1976 tại Hải Phòng; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Xã G, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; không có chồng, có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021 đến ngày 18/5/2021, ngày 21/5/2021 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Nguyễn Văn H, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2003 tại Hải Phòng; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 16/11/2020 bị Công an huyện Cát Hải xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 70/QĐ-XPHC về hành vi Xâm hại đến sức khỏe của người khác; áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/5/2021; có mặt.

9. Ngô Hải H, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2003 tại Hải Phòng; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: xã H, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Ngô Văn B và bà Vũ Thị H; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/5/2021; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H: Bà Đỗ Phương Thúy, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Hải H: Bà Vũ Thị Minh Hiếu, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Quang P, sinh năm 1958; địa chỉ: Xã G, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Anh Nguyễn Tiến T;vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Pên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 14/5/2021 Phạm Mạnh H rủ Đỗ Thu H1, Nguyễn Văn L, Lê Thị Thanh H2 và Nguyễn Nhật L, Nguyễn Tuấn P và Nguyễn Thị C đến lán của ông Trần Quang P ở thôn 1, Xã G đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức đánh xóc đĩa. H mua một bộ bài chắn cầm theo và lấy bát đĩa, kéo có sẵn ở lán nhà ông P cắt lá bài chắn thành 04 quân vị hình tròn. H thống nhất với những người chơi bạc đặt cược theo cửa chẵn hoặc cửa lẻ, mỗi ván đặt cược thấp nhất là 20.000 đồng và cao nhất là 50.000 đồng, H trực tiếp cầm cái xóc đĩa cho những người chơi bạc, tất cả đều đồng ý. Khi tham gia đánh bạc H sử dụng số tiền 2.800.000 đồng, H2 sử dụng 500.000 đồng, Nguyễn Văn L sử dụng 1.500.000 đồng, H1 sử dụng 400.000 đồng, Nguyễn Thị C sử dụng 450.000 đồng, Nguyễn Tuấn P sử dụng 600.000 đồng, Nguyễn Nhật L sử dụng số tiền 340.000 đồng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn H gọi điện thoại cho H để trả tiền, H nói đang ở lán Áng Sậy, H đi cùng Ngô Hải H đến lán, cả hai cùng tham gia đánh bạc H sử dụng số tiền 300.000 đồng, H sử dụng số tiền 200.000 đồng. Khi tất cả đang đánh bạc đến khoảng 23 giờ 30’ cùng ngày thì bị Công an huyện Cát Hải phát hiện bắt quả tang 07 đối tượng và thu giữ vật chứng gồm 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân hình tròn được cắt từ lá bài chắn, 01 kéo có lưỡi kim loại phần cán bằng nhựa màu xanh và số tiền 6.450.000 đồng. Bị cáo L, H bỏ trốn và ra Cơ quan Công an đầu thú vào sáng ngày 15/5/2021. Tổng số tiền thu được dưới chiếu bạc và của bị cáo L, H là 7.090.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại Pên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra đã khai nhận: Địa điểm các bị cáo đánh bạc là tại lán của ông trong Áng Sậy, thuộc thôn 1, Xã G, huyện C, thành phố Hải Phòng. Ông không biết các bị cáo sử dụng lán của ông làm địa điểm đánh bạc, do buổi tối ông thường về nhà mà không ở trong lán.

Người chứng kiến tại cơ quan điều tra đã khai nhận anh được Công an huyện Cát Hải mời lên làm người chứng kiến việc Công an huyện Cát Hải bắt quả tang các bị cáo có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa tại lán trong Áng Sậy

của ông Trần Quang P, thuộc thôn 1, Xã G, huyện C, thành phố Hải Phòng, thu giữ dưới chiếu bạc tổng số tiền là 6.450.000 đồng. Trong quá trình làm việc với cơ quan Công an, việc lập biên bản của cơ quan Công an là hoàn toàn khách quan, các bị cáo đã tự đọc lại các biên bản, công nhận đúng và tự mình ký tên vào các biên bản.

Bản Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 06/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội: Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải giữ quyền công tố và tranh luận hành vi phạm tội của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 321, Điều 17; Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Mạnh H từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

Khoản 1 Điều 321, Điều 17; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo Nguyễn Tuấn P, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Nhật L, H2, từ 06 tháng đến 09 tháng Cải tạo không giam giữ trừ đi thời hạn tạm giữ cho các bị cáo.

Khoản 1 Điều 321, Điều 36; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo H1 từ 06 đến 09 tháng Cải tạo không giam giữ.

Khoản 1 Điều 321, Điều 17; Điều 36; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 100 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng Cải tạo không giam giữ.

Khoản 1 Điều 321, Điều 17; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 100 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Hải H từ 06 tháng đến 09 tháng Cải tạo không giam giữ.

Đề nghị Hội đồng xét xử khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo P, L, C, L, H1. Đối với các bị cáo H2 là lao động duy nhất trong gia đình, đang nuôi con nhỏ, bị cáo H và H khi thực hiện hành vi pham tội là người dưới 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo mà chỉ áp dụng việc thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động phổ thông, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Các bị cáo cũng như người bào chữa cho các bị cáo đều thừa nhận luận tội của Viện kiểm sát về tội danh cũng như mức hình phạt là đúng nên không có ý kiến tranh luận về hình phạt cũng như tội danh. Người bào chữa cho bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị đối với hai bị cáo. Các bị cáo biết mình vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử

xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại Pên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về chứng cứ:

Lời khai của các bị cáo tại Pên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với Cáo trạng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Vào hồi 22 giờ 30 phút ngày 14/5/2021 tại lán của ông Trần Quang P thuộc Áng Sậy, thôn 1, Xã G, huyện C, Hải Phòng, các bị cáo H, P, H1, L, C, L, H2, H, H cùng nhau thực hiện hành vi đánh xóc đĩa, được thua bằng tiền. Tổng số tiền thu được dưới chiếu bạc là 6.450.000 đồng trong đó của H là 2.800.000 đồng, Huyền sử dụng 500.000 đồng, L sử dụng 1.500.000 đồng, H1 sử dụng 400.000 đồng, C sử dụng 450.000 đồng, P sử dụng 600.000 đồng, H sử dụng 200.000 đồng; sau đó tiếp tục thu của L là 340.000 đồng và của H là 300.000 đồng. Tổng số tiền 09 bị cáo dùng để đánh bạc là 7.090.000 đồng.

[4] Như vậy, các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, mặc dù số tiền bỏ ra đánh bạc của mỗi bị cáo là khác nhau, nH các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền đánh bạc thu được là 7.090.000 đồng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm khách thể là trật tự xã hội được Nhà nước bảo vệ. Từ những phân tích trên đây đủ cơ sở khẳng định các bị cáo phạm tội Đánh bạc, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[5] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải truy tố bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng pháp luật.

[6] Vụ án này là vụ án đồng phạm, mặc dù là đồng phạm giản đơn nH để quyết định hình phạt chính xác, khách quan, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần phân tích, tính chất vai trò và nhân thân của từng bị cáo trong vụ án.

[7] Bị cáo H là người khởi xướng việc đánh bạc, đồng thời bị cáo cũng là người thực hiện hành vi đánh bạc tích cực nhất. Bị cáo chủ động mua bài, chủ động cắt các quân bài ra để thực hiện việc đánh bạc. Bị cáo H chủ động là người cầm cái trong chiếu bạc và thực hiện việc đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa đối với các bị cáo còn lại.

Do đó khi quyết định hình phạt phải quyết định hình phạt đối với bị cáo H cao nhất so với các bị cáo khác.

[8] Đối với các bị cáo P, H1, L, C, L, H2 với vai trò là người thực hành tích cực, các bị cáo cùng tham gia đánh bạc với các số tiền khác nhau nH vai trò là như nhau do đó cần quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo là bằng nhau.

[9] Đối với bị cáo H và H, hai bị cáo với vai trò thực hành trong vụ án, tuy nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người dưới 18 tuổi, nhận thức pháp luật đối với các bị cáo còn hạn C, do đó khi áp dụng hình phạt cần áp dụng hình phạt thấp hơn so với các bị cáo khác để đảm bảo sự công bằng và nguyên tắc xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Bị cáo H đã có 01 tiền sự về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác, đến thời điểm phạm tội tiền sự chưa được xóa. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy vào thời điểm thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hành chính bị cáo là người dưới 18 tuổi, tính cách cũng như nhận thức pháp luật còn hạn C; lần thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo dưới 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử xem xét tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội để có cơ hội học tập, rèn luyện. Tuy nhiên, điều đó chứng tỏ bị cáo H có nhân thân xấu hơn so với bị cáo H do đó khi quyết định hình phạt cần quyết định hình phạt bị cáo H cao hơn so với bị cáo H.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại Pên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo H, P, H1, L, C, L, H2, H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, các bị cáo H, P, H1, L, C, L, H2, H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[12] Bị cáo P đã tham gia nghĩa vụ quân sự, có bố đẻ và ông ngoại tham gia quân đội được tặng thưởng huân huy chương. Bị cáo L có ông nội tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân huy chương. Bị cáo C có bố chồng tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân chương. Bị cáo L sau khi phạm tội đã tự nguyện đến Công an huyện Cát Hải đầu thú, có ông nội tham gia kháng chiến được tặng thương huân huy chương. Bị cáo H2 có mẹ đẻ tham gia kháng chiến được tặng thưởng huy chương. Bị cáo H sau khi phạm tội đã tự nguyện đến Công an huyện Cát Hải đầu thú. Bị cáo H có ông nội là người có công với cách mạng, được tặng thương huy chương. Do đó các bị cáo P, L, C, L, H2, H, H được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[13] Hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng; các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nhân thân tốt, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là số tiền có giá trị không lớn, do đó việc cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm xấu cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[14] Bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, số tiền phạm tội không lớn nên cho bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo để bị cáo

có điều kiện cải tạo ngoài xã hội, hòa nhập cộng đồng.

[15] Đối với các bị cáo P, H1, L, C, L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vai trò trong vụ án thấp hơn so với bị cáo H, do đó chỉ cần áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là đủ tính răn đe, giáo dục. Tuy nhiên cần khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo không có việc làm trong thời gian chấp hành án thì các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng.

[16] Thu nhập trung bình hàng tháng của bị cáo: P 3.000.000 đồng/tháng; bị cáo H1 3.000.000 đồng/tháng; bị cáo L 4.000.000 đồng/tháng; bị cáo C 3.000.000 đồng/tháng; bị cáo L 3.000.000 đồng/tháng.

[17] Đối với các bị cáo H2 cũng cần áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, tuy nhiên không áp dụng việc khấu trừ thu nhập do bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình, bị cáo có 02 con nhỏ, trong đó có 01 con chưa tròn 12 tháng tuổi nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[18] Bị cáo H và H vào thời điểm phạm tội các bị cáo dưới 18 tuổi, còn là học sinh, nên cần áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ để tạo điều kiện cho các bị cáo rèn luyện và học tập. Các bị cáo chưa có việc làm, chưa có thu nhập nên không áp dụng việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Tuy nhiên các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành án. Chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho bị cáo H về tội danh cũng như mức hình phạt đề nghị áp dụng.

[19] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[20] Đánh giá về vật chứng, xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 7.090.000 đồng cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Cát Hải thu giữ của các bị cáo, nhận thấy đây là số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân hình tròn, 01 chiếc kéo bằng kim loại là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[21] Đánh giá về những vấn đề khác:

Đối với ông Trần Quang P tại thời điểm các bị can đánh bạc không có mặt ở lán Áng Sậy, thôn 1, Xã G và cũng không biết các bị can tự ý đến lán nhà mình đánh bạc, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải không có căn cứ để xử lý. Việc xử lý nói trên của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, mức nộp án phí căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Mạnh H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội Đánh bạc;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn P 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ (15/5/2021-21/5/2021) quy đổi thành 18 (mười tám) ngày Cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày Cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung quỹ Nhà nước, cụ thể là 150.000 đồng một tháng (5% x 3.000.000 đồng/tháng = 150.000 đồng)

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Thu H1 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ (15/5/2021-21/5/2021) quy đổi thành 18 (mười tám) ngày Cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày Cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung quỹ Nhà nước, cụ thể là 150.000 đồng một tháng (5% x 3.000.000 đồng/tháng = 150.000 đồng)

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ (15/5/2021-21/5/2021) quy đổi thành 18 (mười tám) ngày Cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày Cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung quỹ Nhà nước, cụ thể là 200.000 đồng một tháng (5% x 4.000.000 đồng/tháng = 200.000 đồng)

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ (15/5/2021-21/5/2021) quy đổi thành 18 (mười tám) ngày Cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày Cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung quỹ Nhà nước, cụ thể là 150.000 đồng một tháng (5% x 3.000.000 đồng/tháng = 150.000 đồng)

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật L 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ (15/5/2021-21/5/2021) quy đổi thành 18 (mười tám) ngày Cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày Cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung quỹ Nhà nước, cụ thể là 150.000 đồng một tháng (5% x 3.000.000 đồng/tháng = 150.000 đồng)

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh H2 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ (15/5/2021-18/5/2021) quy đổi thành 09 (chín) ngày Cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày Cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 36; Điều 100; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 08 (tám) tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 36; Điều 100; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Hải H 06 (sáu) tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo H2, Nguyễn Văn H và Ngô Hải H, tuy nhiên các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Thời hạn chấp hành án hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Mạnh H cho Ủy ban nhân dân Xã G, huyện C, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao các bị cáo Nguyễn Tuấn P, H1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Nhật L, H2 cho Ủy ban nhân dân Xã G, huyện C, thành phố Hải Phòng; giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; bị cáo Ngô Hải H cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 7.090.000 đồng của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, theo biên lai thu tiền số AA/2010/001396 ngày 09/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải. Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân bài hình tròn, 01 chiếc kéo bằng kim loại cán nhựa màu xanh (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải, Hải Phòng).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng C thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- PV 06 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Cát Hải;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND Xã G, UBND xã H, UBND thị trấn C, h C,Tp. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA

Đỗ Thị Như Quỳnh